

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2020

V/v ly hôn giữa chị T và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Mộng T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp S, xã PH, huyện PH, tỉnh HG “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp TP, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/03/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T trình bày: Chị và anh N xác lập hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã bất hòa. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Hoàng Minh T, sinh ngày 22/4/2011 con đang sống cùng cha.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Xuân N trình bày: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghĩa vụ trả nợ không có. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh N thừa nhận anh thường xuyên rượu chè, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng hay cãi vã bất hòa. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Con chung: Chị T đồng ý giao con cho anh N nuôi dưỡng. Tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Anh N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N. Cho chị T và anh N ly hôn. Con chung đề nghị giao con cho anh N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị xác lập hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, vợ chồng hay xảy ra cãi vã bất hòa. Chị T nhiều lần khuyên can chồng nhưng không có kết quả anh N vẫn chứng nào tật nấy. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn cơ hội để đoàn tụ nên xin ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp thuyết phục chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N đã nhiều lần xảy ra

mâu thuẫn nhưng anh chị không biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã có thời gian ly thân kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T và anh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung đang sống cùng anh N. Chị T đồng ý giao con cho anh N nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Mộng T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Mộng T đối với anh Hoàng Xuân N.

Cho chị Huỳnh Mộng T ly hôn với anh Hoàng Xuân N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 22/4/2011 cho anh N nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Mộng T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 013083 ngày 04/5/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn

